TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 271**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2019
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Kim Hoàng

Bà Lê Thị Kim Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2018/HNST ngày 20 tháng 06 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Ngọc L, sinh năm 1971
Tạm trú: 156/2/8 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1965
Địa chỉ: 122/27/108/1A D, Phường 8, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh
(Vắng mặt không lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 31/5/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Châu Ngọc L trình bày: Bà và ông Trần Văn T kết hôn với nhau từ năm 1996 (Giấy chứng nhận kết hôn số 487 do Ủy ban nhân dân Quận E, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/1996). Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, từ năm 2017 cho đến nay ông Trần Văn T có mối quan hệ bất chính và đã dọn ra ở chung với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông T vẫn tiếp tục mối quan hệ này. Nay vì mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Châu Ngọc L yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà Châu Ngọc L xác nhận bà và ông Trần Văn T có một con chung là Trần Ngọc T sinh ngày 19/11/1997 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Ngọc L xác định bà và ông Trần Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 31/5/2019, bà Châu Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, trong đơn bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà L, Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn T cụ thể, Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa… nhưng ông T vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Bà Châu Ngọc L và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận E- Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 487 do Ủy ban nhân dân Quận E, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/1996). Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà L đã nhiều lần tha thứ nhưng ông T vẫn tiếp tục mối quan hệ này. Nay vì mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng thời, để ổn định cuộc sống, bà L yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T, đây là yêu cầu có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà L, Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Trần Văn T, cụ thể, Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa… nhưng ông T vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và bản tự khai của ông T. Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 31/5/2019 nguyên đơn là bà Châu Ngọc L cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

- Về yêu cầu khởi kiện:

Theo lời khai của bà Châu Ngọc L và căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 487 do Ủy ban nhân dân Quận E, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/1996 có cơ sở xác định bà Châu Ngọc L và ông Trần Văn T chung sống có đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân của bà L và ông T đã tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà Châu Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T. Bà L cho rằng việc ông T đã bỏ nhà ra đi sống chung với người phụ nữ khác dẫn đến hạnh phúc gia đình không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần nhưng ông T không đến mà cũng không có văn bản thể hiện ý kiến hay quan điểm gì về yêu cầu ly hôn của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, tuy hai đương sự vắng mặt nhưng qua những chứng cứ đã thu thập được nhận thấy mục đích hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình giữa bà Châu Ngọc L và ông Trần Văn T, không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu được ly hôn của bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Châu Ngọc L xác nhận bà và ông Trần Văn T có một con chung là Trần Ngọc T sinh ngày 19/11/1997 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà L xác nhận bà và ông Trần Văn T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời, ông T vắng mặt không có lời khai tại Toà. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 54, 56, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Ngọc L được ly hôn với ông Trần Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 487 do Ủy ban nhân dân Quận E, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/1996).

- Về con chung: Bà Châu Ngọc L xác nhận bà và ông Trần Văn T có một con chung là Trần Ngọc T sinh ngày 19/11/1997 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà L xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời, ông T vắng mặt không có lời khai tại Toà. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Châu Ngọc L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AG/2014/0009115 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

4. Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- UBND Quận 4
- Lưu: Vp, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Bảo Trân